TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **30**/2025/QĐST-DS	*Thành phố H, ngày 18 tháng 8 năm2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 189 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 311/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1972; Địa chỉ: 860/26/10D Khu phố 3, phường T, Thành phố H (Địa chỉ cũ : phường Tân P, Quận B, Thành phố H); Địa chỉ liên lạc: 2271/78/3 ấp 25, xã N, Thành phố H (Địa chỉ cũ: xã Ph, huyện N, Thành phố H).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M sinh năm 1966 và bà Trương Thị M, sinh năm 1971; Cùng địa chỉ: 70/15 Tổ 10, Ấp 6, xã N, Thành phố H (Địa chỉ cũ: xã P, huyện N, Thành phố H).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Trần Quang A., sinh năm 1964; Địa chỉ: 388/126 HT, phường AĐ, Thành phố H (Địa chỉ cũ: Phường 5, Quận N, Thành phố H).

+ Bà Trần Lan A, sinh năm 1973; Địa chỉ: 125/15 T, phường TT, Thành phố H (Địa chỉ cũ: phường TTT, Quận B, Thành phố H).

+ Bà Đặng Mai Ng, sinh năm 1984; Địa chỉ: A5.08 Chung cư RA, NLB, Lô P5, phường T, Thành phố H (Địa chỉ cũ: phường T, Quận B, Thành phố H).

+ Ông Barker Alan Br, sinh năm 1979 ; Địa chỉ: A5.08 Chung cư RA, NLB, Lô P5, phường T, Thành phố H (Địa chỉ cũ: phường T, Quận B, Thành phố H).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Ngọc M rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc: yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị M tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng phần đất có diện tích 30,8 m^2 theo các cam kết ký ngày 26/12/2014 và Văn bản thỏa thuận ngày 26/12/2014; Công nhận hiệu lực của Giấy sang nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/9/2009 giữa bà Nguyễn Ngọc M và ông Trần Quang A; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 002747 lập ngày 17/7/2023 tại Văn phòng công chứng Nguyễn ĐĐ giữa ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị M với bà Đặng Mai Ng

- Hủy Giấy tay sang nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/9/2009 giữa bà Nguyễn Ngọc M và ông Trần Quang A.

- Bà Đặng Mai Ng được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 261 m^2 thuộc thửa đất số 608, tờ bản đồ số 33, địa chỉ xã N (địa chỉ cũ xã P, huyện N), Thành phố H theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AG 509604 (số vào sổ cấp GCN : H00680 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 22/01/2007; Đăng ký biến động ngày 23/01/2015, ngày 27/7/2023 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 002747 lập ngày 17/7/2023 tại Văn phòng công chứng Nguyễn ĐĐ giữa ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị M với bà Đặng Mai Ng theo quy định của pháp luật

- Bà Đặng Mai Ng thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc M số tiền là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) là tiền chuyển nhượng phần đất diện tích 30,8 m^2 là một phần trong tổng diện tích 261 m^2 thuộc thửa đất số 608, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: xã N (địa chỉ cũ xã P, huyện N), Thành phố H theo giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H-00860 do UBND huyện N cấp ngày 22/01/2007; Đăng ký biến động ngày 23/01/2015, ngày 27/7/2023 và bà Nguyễn Ngọc M bàn giao tài sản là phần đất diện tích 30,8 m^2 trên cho bà Đặng Mai Ng; Việc giao đất và giao đủ số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) thực hiện cùng một thời gian là vào ngày 18/8/2025.

Kể từ ngày đến hạn trả tiền và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Về án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành: Bà Đặng Mai Ng tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007931 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H.

Vậy bà Đặng Mai Ng còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 16.700.000 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm ngàn đồng)

Hoàn tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Nguyễn Ngọc M theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007447 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H ; Hoàn tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Nguyễn Ngọc M theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017954 ngày 02/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H ; Hoàn tiền tạm ứng án phí là 14.980.000 đồng (Mười bốn triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng) cho bà Nguyễn Ngọc M theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0058470 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ các bên đã nộp tự nguyện chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - TPHCM;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - TPHCM;
- Các đương sự;
- Để thi hành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Hữu Đức

